

Số: 151/BC-UBND

Kiên Hải, ngày 04 tháng 11 năm 2019

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả rà soát công tác thực hiện đầu tư giao thông nông thôn trên địa bàn huyện Kiên Hải**

Căn cứ Công văn số 1111/SGTVT-KHTC ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Kiên Giang về việc rà soát công tác thực hiện đầu tư giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải báo cáo kết quả rà soát công tác thực hiện đầu tư giao thông nông thôn trên địa bàn huyện như sau:

#### **1. Danh mục các công trình chưa vào cấp**

1.1. Đường giao thông nông thôn xã Nam Du: Thực hiện năm 2013 với chiều dài 1.070m, chiều rộng 2,0m, tải trọng thiết kế là 1,5 tấn, mặt đường bê tông xi măng. Kế hoạch nâng cấp, mở rộng chiều dài 1.070m, chiều rộng 2,5m, tải trọng thiết kế 1,5 tấn, dự kiến tổng mức đầu tư 1 tỷ đồng.

1.2. Đường giao thông nông thôn xã Hòn Tre: Thực hiện năm 2014 với chiều dài 585m, chiều rộng 2,0m, tải trọng thiết kế là 1,5 tấn, mặt đường bê tông xi măng. Kế hoạch nâng cấp, mở rộng chiều dài 585m, chiều rộng 2,5m, tải trọng thiết kế 1,5 tấn, dự kiến tổng mức đầu tư 1,5 tỷ đồng.

1.3. Đường giao thông nông thôn xã An Sơn (giai đoạn 2): Thực hiện năm 2014 với chiều dài 605m, chiều rộng 2,0m, tải trọng thiết kế 1,5 tấn, mặt đường bê tông xi măng. Kế hoạch nâng cấp, mở rộng chiều dài 605m, chiều rộng 2,5m, tải trọng thiết kế 1,5 tấn, dự kiến tổng mức đầu tư 1,5 tỷ đồng.

1.4. Đường giao thông nông thôn Bãi Đá Trắng xã An Sơn (giai đoạn 1): Thực hiện năm 2016 với chiều dài 1.786m, chiều rộng 2,0m, tải trọng thiết kế 1,5 tấn, mặt đường bê tông xi măng. Kế hoạch nâng cấp, mở rộng chiều dài 1.786m, chiều rộng 2,5m, tải trọng thiết kế 1,5 tấn, dự kiến tổng mức đầu tư 3 tỷ đồng.

1.5. Đường giao thông nông thôn ấp An Bình - xã Nam Du: Thực hiện năm 2018 với chiều dài 219m, chiều rộng 2,0m, tải trọng thiết kế 1,5 tấn, mặt đường bê tông xi măng. Kế hoạch nâng cấp, mở rộng chiều dài 219m, chiều rộng 2,5m, tải trọng thiết kế 1,5 tấn, dự kiến tổng mức đầu tư 1,5 tỷ đồng.

1.6. Đường giao thông nông thôn Bãi đá trắng xã An Sơn: Thực hiện năm 2018 với chiều dài 286m, chiều rộng 2,0m, tải trọng thiết kế 1,5 tấn, mặt đường bê tông xi măng. Kế hoạch nâng cấp, mở rộng chiều dài 286m, chiều rộng 2,5m, tải trọng thiết kế 1,5 tấn, dự kiến tổng mức đầu tư 1 tỷ đồng.

1.7. Đường giao thông nông thôn xã Lại Sơn (giai đoạn 2): Thực hiện năm 2018 với chiều dài 956,8m, chiều rộng 2,0m, tải trọng thiết kế 1,5 tấn, mặt đường bê tông xi măng. Kế hoạch nâng cấp, mở rộng chiều dài 956,8m, chiều rộng 2,5m, tải trọng thiết kế 1,5 tấn, dự kiến tổng mức đầu tư 1,5 tỷ đồng.

## **2. Danh mục các công trình đề nghị làm mới**

2.1. Đường giao thông nông thôn xã Hòn Tre: Chiều dài 2.000m, chiều rộng 2,5m, tải trọng thiết kế 1,5 tấn, mặt đường bê tông xi măng, dự kiến tổng mức đầu tư 2,5 tỷ đồng.

2.2. Đường giao thông nông thôn xã Lại Sơn: Chiều dài 2.000m, chiều rộng 2,5m, tải trọng thiết kế 1,5 tấn, mặt đường bê tông xi măng, dự kiến tổng mức đầu tư 2,5 tỷ đồng.

2.3. Đường giao thông nông thôn xã An Sơn: Chiều dài 2.000m, chiều rộng 2,5m, tải trọng thiết kế 1,5 tấn, mặt đường bê tông xi măng, dự kiến tổng mức đầu tư 2,5 tỷ đồng.

2.4. Đường giao thông nông thôn xã Nam Du: Chiều dài 2.000m, chiều rộng 2,5m, tải trọng thiết kế 1,5 tấn, mặt đường bê tông xi măng, dự kiến tổng mức đầu tư 2,5 tỷ đồng.

Trên đây là báo cáo kết quả rà soát công tác thực hiện đầu tư giao thông nông thôn trên địa bàn huyện Kiên Hải./.

Nơi nhận: *Ưng*

- Sở Giao thông Vận tải;
- Lưu: VT, KTHT-TN&MT.

**KT CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Signature]*

**Huỳnh Thanh Bình**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỔNG MỘT DANH MỤC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG NÔNG THÔN (Phần mặt đường  $\leq 2,5$  mét cần mở rộng)**  
(Kèm theo Báo cáo số 17/BC-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2019)

| Số TT | Danh mục công trình                                |                     |                      | Hiện trạng          |                |                                     |                          |                          | Dự kiến kế hoạch nâng cấp |                          |                          | Dự kiến tổng mức ầu tư (Tr. Đồng) | Thời gian thực hiện đầu tư | Ghi chú           |
|-------|----------------------------------------------------|---------------------|----------------------|---------------------|----------------|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------------------|----------------------------|-------------------|
|       |                                                    |                     |                      |                     |                |                                     |                          |                          | Năng lực thiết kế         |                          |                          |                                   |                            |                   |
|       | Tên công trình                                     | Điểm đầu công trình | Điểm cuối công trình | Năm đầu tư xây dựng | Chiều dài (km) | Bề rộng mặt đường nhỏ hơn 2 mét (m) | Tải trọng thiết kế (tấn) | Giải pháp kỹ thuật trước | Chiều dài (m)             | Chiều rộng mặt đường (m) | Tải trọng thiết kế (tấn) |                                   |                            |                   |
| 1     | 2                                                  | 3                   | 4                    | 5                   | 6              | 7                                   | 8                        | 9                        |                           |                          |                          | 10                                | 11                         | 12                |
| I     | Danh mục các công trình chưa vào cấp               | -                   |                      |                     | 5,508          |                                     |                          |                          | 5,508                     |                          |                          | 11,000                            | -                          | -                 |
| 1     | Đường giao thông nông thôn xã Nam Du               |                     |                      | 2013                | 1,070          | 2                                   | 1,5                      | BTXM                     | 1,070                     | 2,5                      | 1,5                      | 1,000                             | 2021 - 2025                | Nâng cấp, mở rộng |
| 2     | Đường Giao thông nông thôn xã Hòn Tre              |                     |                      | 2014                | 585            | 2                                   | 1,5                      | BTXM                     | 585                       | 2,5                      | 1,5                      | 1,500                             | 2021 - 2025                | Nâng cấp, mở rộng |
| 3     | Đường Giao thông nông thôn xã An Sơn (giai đoạn 2) |                     |                      | 2014                | 605            | 2                                   | 1,5                      | BTXM                     | 605                       | 2,5                      | 1,5                      | 1,500                             | 2021 - 2025                | Nâng cấp, mở rộng |
| 4     | Đường GTNT Bãi đá trắng xã An Sơn (giai đoạn 1)    |                     |                      | 2016                | 1,786          | 2                                   | 1,5                      | BTXM                     | 1,786                     | 2,5                      | 1,5                      | 3,000                             | 2021 - 2025                | Nâng cấp, mở rộng |
| 5     | Đường GTNT ấp An Bình - xã Nam Du                  |                     |                      | 2018                | 219            | 2                                   | 1,5                      | BTXM                     | 219                       | 2,5                      | 1,5                      | 1,500                             | 2021 - 2025                | Nâng cấp, mở rộng |
| 6     | Đường GTNT Bãi Đá Trắng - xã An Sơn                |                     |                      | 2018                | 286            | 2                                   | 1,5                      | BTXM                     | 286                       | 2,5                      | 1,5                      | 1,000                             | 2021 - 2025                | Nâng cấp, mở rộng |
| 7     | Đường GTNT xã Lại Sơn (giai đoạn 2)                |                     |                      | 2018                | 956,8          | 2                                   | 1,5                      | BTXM                     | 956,8                     | 2,5                      | 1,5                      | 1,500                             | 2021 - 2025                | Nâng cấp, mở rộng |
| II    | Danh mục các công trình đề nghị làm mới            |                     |                      |                     |                |                                     |                          |                          | 8,000                     |                          |                          | 10,000                            |                            |                   |
| 1     | Đường GTNT xã Hòn Tre                              |                     |                      |                     |                |                                     |                          |                          | 2,000                     | 2,5                      | 1,5                      | 2,500                             | 2021 - 2025                | Xây mới           |
| 2     | Đường GTNT xã Lại Sơn                              |                     |                      |                     |                |                                     |                          |                          | 2,000                     | 2,5                      | 1,5                      | 2,500                             | 2021 - 2025                | Xây mới           |
| 3     | Đường GTNT xã An Sơn                               |                     |                      |                     |                |                                     |                          |                          | 2,000                     | 2,5                      | 1,5                      | 2,500                             | 2021 - 2025                | Xây mới           |
| 4     | Đường GTNT xã Nam Du                               |                     |                      |                     |                |                                     |                          |                          | 2,000                     | 2,5                      | 1,5                      | 2,500                             | 2021 - 2025                | Xây mới           |